ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 223/KH-UBND	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 12 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Thực hiện Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, vì lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng cao, sử dụng nguồn nhân lực tối ưu, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ đột phá, lĩnh vực trọng tâm để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững quốc phòng - an ninh của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị tiếp tục xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị mình.

- Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, giải pháp, cách làm mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2020)* và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi. Tổ chức thi hành pháp luật hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); tuyên truyền, đề xuất giải pháp đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

2.2. Cập nhật, công khai kịp thời danh sách, số điện thoại cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC.

2.3. Bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ TTHC trên môi trường điện tử.

2.4. 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền kịp thời được công bố, công khai, xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-form), xây dựng quy trình điện tử và tổ chức thực hiện theo quy định.

2.5. Triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

2.6. Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân và tổ chức về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90% trở lên; giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận một cửa các cấp xuống trung bình còn tối đa 15 phút/01 lần giao dịch.

2.7. Thực hiện rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC theo quy định.

2.8. Công bố hằng tháng kết quả thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

2.9. Công khai đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia về kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

2.10. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tái sử dụng thông tin, dữ liệu TTHC.

2.11. Đảm bảo kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ TTHC trên môi trường điện tử.

2.12. Tối thiểu 90% dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên (tính trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với các DVCTT có phát sinh phí, lệ phí)

2.13. Tối thiểu 90% TTHC có đủ điều kiện (theo quy định) được cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình. Trong số đó, ít nhất 90% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến một phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết đạt tối thiểu 80%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng, chủ trương tinh gọn bộ máy của Trung ương và kế hoạch sắp xếp của tỉnh.

3.2. Thực hiện tinh giản 0,4% biên chế công chức hành chính và 1,74% người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2023.

3.3. Phê duyệt, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và cụ thể hóa theo phân cấp quản lý.

4.2. 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

4.3. 100% đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó phấn đấu trên 30% có trình độ trên đại học; 93,5% viên chức đạt chuẩn về trình độ, trong đó trên 30% đạt trên chuẩn.

4.4. 100% công chức được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức hiện giữ và tiêu chuẩn ngạch công chức của chức danh, vị trí được quy hoạch; 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch.

4.5. Thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch; thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo đúng quy định.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đạt trên 90%.

5.2. 100% các đơn vị được giao tự chủ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công theo đúng quy định tại Nghị định số130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

5.3. Hoàn thành việc chuyển đổi Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe, thuộc Sở Giao thông vận tải thành công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; phấn đấu 90% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; phấn đấu 100% các giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được xác thực điện tử.

6.2. Phấn đấu 100% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến được xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên hệ thống tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang.

6.3. Tối thiểu 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

6.4. Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

6.5. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số; phấn đấu 70% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc tổ chức.

6.6. Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

6.7. Phấn đấu 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

6.8. Phấn đấu 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

6.9. Phấn đấu 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).

6.10. Phấn đấu 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

6.11. Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh sử dụng các nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung của tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

6.12. Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được áp dụng, thực hiện thông qua các môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

6.13. 100% các báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

6.14. Tiếp tục vận hành phân hệ theo dõi nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đảm bảo hiển thị theo thời gian thực.

6.15. Giảm thiểu giấy tờ, giảm các chi phí khám chữa bệnh giúp người dân khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế; giúp người dân có thể theo dõi, quản lý thông tin sức khỏe của bản thân liên tục, suốt đời; chủ động trong việc phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả; giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nâng cao sức khoẻ, toàn diện, suốt đời; hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế cơ bản được hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, thuận tiện trong quản lý, giám sát, kiểm tra, chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý.

6.16. Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số; 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và trung tâm thị trấn các huyện thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Tài nguyên số trở thành học liệu chủ yếu của học sinh, sinh viên và người dân; hình thành kho học liệu số trực tuyến đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và người dân.

6.17. Từng bước xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng, dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

6.18. Mỗi di sản của tỉnh đều có hiện diện số và hình thành bản di sản số để người dân, khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Phụ lục gửi kèm Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Người đứng đầu các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1.1. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, thời gian hoàn thành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15/01/2025** *(gửi Sở Nội vụ theo dõi chung)*; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính thuộc lĩnh vực, phạm vi được giao theo dõi, quản lý; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sáng kiến, giải pháp, cách làm mới trong thực hiện công tác cải cách hành chính cùng với báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính.

1.2. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện.

1.3. Bố trí nguồn lực cho công tác cải cách hành chính, nhất là về cán bộ, công chức và nguồn kinh phí thực hiện.

1.4. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định *(báo cáo quý, gửi chậm nhất ngày 15 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng, gửi chậm nhất ngày 15/6; báo cáo năm, gửi chậm nhất ngày 15/12)*.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, nếu cơ quan, đơn vị nào thực hiện chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ nhập báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trên phần mềm báo cáo của Bộ Nội vụ thì người đứng đầu của cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

2.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp thực hiện có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ trên địa bàn tỉnh.

2.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh.

2.3. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, triển khai các chỉ số thành phần *"Công tác chỉ đạo, điều hành", "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước","Cải cách chế độ công vụ"* thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

2.4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

2.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu thực hiện tự chấm điểm hằng tháng theo Bộ tiêu chí của Bộ Nội vụ để kịp thời có các giải pháp khắc phục đối với các tiêu chí chưa đạt điểm, chưa đạt điểm tối đa theo quy định.

2.6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này; định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh *(báo cáo quý, trình chậm nhất ngày 18 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng, trình chậm nhất ngày 18/6; báo cáo năm, trình chậm nhất ngày 18/12)*, để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

3.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung cải cách thủ tục hành chính.

3.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan vận hành có hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

3.3. Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.4. Trực tiếp theo dõi, tham mưu triển khai Chỉ số thành phần *"Cải cách thủ tục hành chính"* thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

4.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung cải cách thể chế.

4.2. Trực tiếp theo dõi, tham mưu triển khai chỉ số thành phần *"Cải cách thể chế"* thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

5.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách tài chính công.

5.2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hằng năm.

5.3. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, triển khai chỉ số thành phần "Cải cách tài chính công" thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

6.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

6.2. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, triển khai chỉ số thành phần "Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số" thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6.3. Chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; kết quả xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số; Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

7.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, giải pháp thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7.2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

7.3. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, triển khai chỉ số thành phần "Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh" thuộc Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết là Đề án 06).

9. Trách nhiệm của các Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại biểu kế hoạch; báo cáo tiến độ kết quả thực hiện cùng với báo cáo cải cách hành chính định kỳ quý, 6 tháng, năm 2025 của các cơ quan, đơn vịn theo quy định.

10. Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang

10.1. Thực hiện tuyên truyền sâu rộng các nội dung về kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; kết quả xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số; Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án 06 của Chính phủ. Định kỳ hằng tuần, tháng đăng tin, bài; phát sóng chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính, chú trọng về các điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm mới, sáng kiến về công tác cải cách hành chính. Hàng năm xây dựng chương trình tọa đàm về công tác cải cách hành chính.

10.2. Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh uỷ; | Báo cáo
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh; | Báo cáo
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, Đơn vị-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (P.Hà).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Sơn